

Số: 11

Ngày 25/3/2019

Bản tin hàng tuần
ra ngày thứ Hai

VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

VĂN BẢN MỚI

1. Chính phủ cho ý kiến sửa đổi, bổ sung một số dự án Luật
2. 13 hoạt động đo đạc và bản đồ phải có giấy phép
3. Xây dựng Tủ sách pháp luật điện tử Quốc gia
4. Đến năm 2025, mức tiết kiệm đạt 5% đến 7% tổng tiêu thụ năng lượng toàn quốc
5. Xử lý dứt điểm các Quỹ Tín dụng nhân dân yếu kém
6. Trục ban 24/24 giờ trong những ngày có thiên tai
7. Ủy ban Dân tộc chi một tỷ đồng thực hiện triển khai phổ biến giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 125/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Những chức danh nào được sử dụng thường xuyên một xe ô tô với giá mua tối đa 1.100 triệu đồng/xe trong thời gian công tác?
2. Xin hỏi, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ, cơ quan Trung ương?
3. Định mức sử dụng xe ô tô phục vụ lễ tân Nhà nước là gì?
4. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp Nhà nước thực hiện thuê dịch vụ xe ô tô phục vụ công tác chung, xe ô tô chuyên dùng trong những trường hợp nào?

VĂN BẢN CỦA QUỐC HỘI, CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

1. CHÍNH PHỦ CHO Ý KIẾN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ DỰ ÁN LUẬT

Ngày 19/03/2019, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 20/NQ-CP về xây dựng pháp luật, tổ chức. Chính phủ yêu cầu các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ phải trực tiếp chỉ đạo, tập trung các nguồn lực, nâng cao chất lượng, bảo đảm tiến độ chương trình xây dựng luật, pháp lệnh, cũng như các văn bản quy định chi tiết thi hành.

Trong nghị quyết, Chính phủ thống nhất với nội dung cơ bản của dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức. Về vấn đề xác định đối tượng là công chức, Chính phủ thống nhất phương án quy định theo hướng không có đối tượng cán bộ, công chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập nói chung. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoạt động phục vụ nhiệm vụ chính trị và phục vụ quản lý nhà nước thì giao Chính phủ quy định cụ thể việc thực hiện chế độ công chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức đối với những người làm việc trong bộ máy lãnh đạo, quản lý. Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan

tiếp thu ý kiến các thành viên chính phủ, ý kiến thẩm định, thẩm tra, chỉnh lý, hoàn thiện dự án luật; báo cáo Thủ tướng trước khi trình Quốc hội.

Đối với dự án Luật xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam. Đây là dự án luật rất quan trọng nhằm cụ thể hóa quy định của Hiến pháp, tạo khuôn khổ pháp lý bảo đảm quyền xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam; đáp ứng yêu cầu về quản lý nhà nước, bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh của công dân. Chính phủ đã thảo luận và thống nhất quy định hộ chiếu phổ thông không gắn chip điện tử và có gắn chip điện tử đều có thời hạn không quá 10 năm.

Chính phủ còn thống nhất tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện và giải trình về dự án Luật đầu tư công (sửa đổi); dự án Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương; một số vấn đề triển khai thi hành Luật quy hoạch.

2. 13 HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ PHẢI CÓ GIẤY PHÉP

Ngày 13/03/2019, Chính phủ ban hành Nghị định số 27/2019/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật đo đạc và bản đồ.

Nghị định có hiệu lực từ ngày 01/05/2019, trong đó quy định cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động đo đạc và bản đồ; khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ; hoặc hoạt động khác có liên quan đến đo đạc và bản đồ trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải có giấy phép khi có các hoạt động trong danh mục sau: lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ cơ bản, chuyên ngành; kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ cơ bản, chuyên ngành; xây dựng mạng lưới tọa độ, độ cao, trọng lực; thu nhận dữ liệu ảnh hàng không; xử lý dữ liệu ảnh viễn thám; xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia; đo đạc, thành lập bản đồ địa hình; đo đạc, thành lập bản đồ địa hình đáy biển; đo đạc, thành lập bản đồ địa giới hành chính; đo đạc, thành lập bản đồ địa chính; thành lập bản đồ hành chính; đo đạc, thành lập hải đồ; đo đạc, thành lập bản đồ công trình.

Hồ sơ của tổ chức đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ bao gồm: đơn đề nghị hoặc tệp tin chứa đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ; bản sao hoặc tệp tin chụp bản chính quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao hoặc tệp tin chụp bản chính văn bằng tốt nghiệp đại học trở lên

thuộc chuyên ngành về đo đạc và bản đồ, bản khai hoặc tệp tin bản khai quá trình công tác của người phụ trách kỹ thuật hoặc chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ Hạng I, hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng, quyết định bổ nhiệm của người phụ trách kỹ thuật; bản sao hoặc tệp tin chụp bản chính văn bằng, chứng chỉ chuyên môn về đo đạc và bản đồ, hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng của các nhân viên kỹ thuật đo đạc và bản đồ; bản sao hoặc tệp tin chụp bản chính hóa đơn hoặc giấy tờ chứng minh sở hữu hoặc quyền sử dụng phương tiện đo, thiết bị, phần mềm, công nghệ đo đạc và bản đồ.

Thời gian giải quyết thủ tục cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ không quá 09 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định. Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ cấp cho tổ chức được thực hiện theo quy định có thời hạn là 05 năm, mỗi lần gia hạn là 05 năm. Trong thời hạn 60 ngày trước khi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ hết hạn, nếu tổ chức có nhu cầu gia hạn giấy phép đã được cấp thì gửi hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép đến cơ quan quản lý chuyên ngành về đo đạc và bản đồ thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường để làm thủ tục gia hạn. Giấy phép không được gia hạn sau ngày giấy phép hết hạn.

3. XÂY DỰNG TỦ SÁCH PHÁP LUẬT ĐIỆN TỬ QUỐC GIA

Ngày 13/03/2019, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 14/2019/QĐ-TTg về xây dựng, quản lý, khai thác Tủ sách pháp luật.

Quyết định có hiệu lực từ ngày 01/5/2019, trong đó Tủ sách pháp luật điện tử quốc gia (TSPLĐTQG) do Bộ Tư pháp chủ trì xây dựng và quản lý thống nhất, được vận hành, khai thác, sử dụng chung trong phạm vi toàn quốc theo hướng tích hợp với Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp, bảo đảm thuận tiện, đáp ứng yêu cầu tiếp cận thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật của cá nhân, tổ chức.

Các loại sách, tài liệu pháp luật trong TSPLĐTQG sẽ là: tài liệu, đề cương giới thiệu các luật, pháp lệnh; sách, tài liệu hỏi đáp, bình luận, giải thích, hướng dẫn pháp luật; tờ gấp, tiểu phẩm, câu chuyện pháp luật; sách, tài liệu hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về các lĩnh vực quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan nhà nước khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; văn bản quy phạm pháp luật được liên kết, trích xuất từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật, Công báo điện tử nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Cổng thông tin điện tử pháp điển, thông cáo báo chí về văn

bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành; sách, tài liệu được liên kết, trích xuất từ các cơ sở dữ liệu thông tin phù hợp khác và các sách, tài liệu pháp luật cần thiết khác phù hợp với nhu cầu khai thác của người sử dụng.

Sách, tài liệu pháp luật cập nhật trên các dữ liệu thành phần của TSPLĐTQG phải phù hợp, thiết thực, bảo đảm chất lượng, không có nội dung thuộc phạm vi bí mật nhà nước được tra cứu, khai thác miễn phí và phải đáp ứng yêu cầu sau đây: đối với sách, tài liệu pháp luật không xuất bản, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì biên soạn phải xác nhận, phê duyệt nội dung sách, tài liệu trước khi cập nhật; đối với sách, tài liệu pháp luật được xuất bản dưới dạng giấy hoặc điện tử thì cập nhật bản sách, tài liệu pháp luật đã được xuất bản. Đối với sách, tài liệu pháp luật có bản quyền thì phải thực hiện theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ; sách, tài liệu pháp luật cập nhật trên TSPLĐTQG phải có các thông tin về tên sách, tài liệu pháp luật; cơ quan, tổ chức, cá nhân chủ trì biên soạn; thời gian phát hành, hiệu lực văn bản; giới thiệu mục đích, nội dung chính của sách, tài liệu.

Kinh phí xây dựng, vận hành TSPLĐTQG được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước và nguồn kinh phí

hợp pháp khác theo quy định. Kinh phí được lồng ghép với kinh phí duy trì hoạt động của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện có và kinh phí thực hiện các chương trình, đề án có nội dung ứng dụng công nghệ thông tin về phổ biến, giáo dục pháp luật. Nội dung chi, mức chi cho TSPLĐTQG thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Khuyến khích cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước tham gia đóng góp, tài trợ kinh phí, sách, tài liệu phục vụ xây dựng, quản lý, khai thác Tủ sách pháp luật; xây dựng, quản lý, đóng góp và mở rộng Tủ sách tự quản ở cộng đồng.

4. ĐẾN NĂM 2025, MỨC TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG ĐẠT 5% ĐẾN 7% TỔNG TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG TOÀN QUỐC

Ngày 13/03/2019, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 280/QĐ-TTg phê duyệt chương trình Quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2030. Mục tiêu cụ thể của giai đoạn từ 2019-2025, tổng lượng tiêu thụ năng lượng toàn quốc tiết kiệm được từ 5% đến 7%. Giảm mức tổn thất điện năng xuống thấp hơn 6,5%; giảm mức tiêu hao năng lượng bình quân cho các ngành/phân ngành công nghiệp so với giai đoạn 2015-2018. Đảm bảo 100% doanh nghiệp vận tải trọng điểm có chương trình phổ biến kỹ năng điều

kiển phương tiện/giải pháp kỹ thuật trong khai thác, sử dụng phương tiện giao thông cơ giới theo hướng tiết kiệm năng lượng; đạt 70% khu công nghiệp và 50% cụm công nghiệp được tiếp cận, áp dụng các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; đảm bảo 100% cơ sở tiêu thụ năng lượng trọng điểm áp dụng hệ thống quản lý năng lượng theo quy định. Đạt 60% trường học có hoạt động tuyên truyền, giảng dạy về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Duy trì, phát triển hệ thống mạng lưới các đơn vị tiết kiệm năng lượng và sản xuất sạch hơn tại ít nhất 50 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; xây dựng và duy trì mạng lưới quản lý năng lượng quốc gia...

Để đạt những mục tiêu nêu trên, chương trình có các nhiệm vụ chủ yếu như sau: rà soát, xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; hỗ trợ kỹ thuật và tài chính nhằm thúc đẩy các dự án đầu tư, sản xuất, kinh doanh về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đối với các hoạt động; xây dựng trung tâm dữ liệu năng lượng Việt Nam, các cơ sở dữ liệu, ứng dụng công nghệ thông tin; tăng cường năng lực; tăng cường kiểm tra, giám sát, đôn đốc, hướng dẫn thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện quy định của pháp luật; truyền thông nâng

cao nhận thức cộng đồng; tăng cường quan hệ, hợp tác quốc tế; nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; nghiên cứu xây dựng và đề xuất, thành lập thí điểm quỹ thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên cơ sở huy động mọi nguồn lực trong và ngoài nước hỗ trợ triển khai các hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả tại Việt Nam.

Nguồn kinh phí thực hiện Chương trình từ nguồn ngân sách nhà nước dự kiến là 4.400 tỷ đồng. Nguồn vốn đầu tư cho lĩnh vực tiết kiệm năng lượng từ các tổ chức tín dụng trong nước: dự kiến khoảng 3.800 tỷ đồng. Tổ chức, cá nhân sử dụng năng lượng, các đơn vị cung cấp dịch vụ năng lượng sử dụng nguồn kinh phí của đơn vị mình để thực hiện các nhiệm vụ về bảo đảm sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Các nguồn huy động hợp pháp khác phục vụ triển khai thực hiện các hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Ban Chỉ đạo Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả do Phó Thủ tướng Chính phủ làm Trưởng ban; Bộ trưởng Bộ Công Thương làm Phó trưởng ban thường trực. Bộ Công Thương là cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo Chương trình, có trách nhiệm giúp Ban Chỉ đạo tổ chức và giám sát thực hiện các nội dung của Chương trình

đạt hiệu quả. Quyết định có hiệu lực từ ngày 13/03/2019.

5. XỬ LÝ DỨT ĐIỂM CÁC QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN YẾU KÉM

Để khắc phục tình trạng hoạt động yếu kém, có biểu hiện xa rời tôn chỉ và mục đích hoạt động, vi phạm pháp luật... của một số Quỹ Tín dụng nhân dân Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 06/CT-TTg ngày 12/03/2019 về tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo an toàn hoạt động, củng cố vững chắc hệ thống Quỹ Tín dụng nhân dân.

Theo đó, Thủ tướng yêu cầu các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các đơn vị liên quan hoàn thành nhiệm vụ cơ cấu lại hệ thống Quỹ Tín dụng nhân dân theo Đề án “Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016 - 2020”; tập trung xử lý dứt điểm các Quỹ Tín dụng nhân dân yếu kém nhằm giữ vững ổn định chính trị, trật tự xã hội và an toàn hệ thống các tổ chức tín dụng; ngăn ngừa, hạn chế và kiên quyết xử lý các hành vi vi phạm pháp luật; hoàn thiện cơ sở pháp lý đối với hoạt động của Quỹ Tín dụng nhân dân; tuyên truyền chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước về hoạt động Quỹ Tín dụng nhân dân; phát huy vai trò Ngân hàng Hợp tác xã

Việt Nam, Bảo hiểm Tiền gửi Việt Nam trong việc liên kết hệ thống, hỗ trợ tài chính và xử lý khó khăn của các Quỹ Tín dụng nhân dân; tăng cường vai trò tham gia, hỗ trợ chức năng kiểm tra, giám sát của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với các Quỹ Tín dụng nhân dân.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chịu trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ với những trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền; hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, quy định về an toàn hoạt động, quản lý, điều hành, quản trị rủi ro và các quy định khác đối với hệ thống Quỹ Tín dụng nhân

dân; quản lý tập trung, có hiệu quả, giám sát đầy đủ, kịp thời phát hiện, ngăn chặn và cảnh báo các vi phạm; sáp nhập, hợp nhất, giải thể hoặc bằng một số biện pháp khác đối với những Quỹ Tín dụng nhân dân yếu kém; xây dựng, báo cáo cấp có thẩm quyền về cơ chế xử lý đặc thù; tăng cường công tác thanh tra, giám sát, kiểm tra ở cấp trung ương và địa phương về hoạt động tín dụng; rà soát, đánh giá, phân loại các Quỹ Tín dụng nhân dân để có các biện pháp xử lý phù hợp đối với các Quỹ Tín dụng nhân dân yếu kém theo đề án củng cố và phát triển Quỹ Tín dụng nhân dân đến 2020 và định hướng đến 2030.

VĂN BẢN CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

6. TRỰC BAN 24/24 GIỜ TRONG NHỮNG NGÀY CÓ THIÊN TAI

Ngày 11/03/2019, Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư số 10/2019/TT-BGTVT về phòng, chống thiên tai trong lĩnh vực hàng hải.

Theo đó, Thông tư quy định thời gian trực của Lãnh đạo Cục Hàng hải Việt Nam và một số cán bộ giúp việc được phân công thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai cùng các cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai trong lĩnh vực hàng hải bao gồm các cơ quan, đơn vị trực thuộc Cục Hàng hải Việt Nam và

các doanh nghiệp hoạt động thuộc lĩnh vực hàng hải trong những ngày có thiên tai hoặc có tình huống đột xuất xảy ra, phải tổ chức trực ban 24/24 giờ theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, tổ chức trực chia thành 02 ca/ngày, kể cả ngày nghỉ, ngày lễ, thời gian trực từ 07 giờ 00 đến 19 giờ 00 và 19 giờ 00 đến 07 giờ sáng hôm sau.

Khi thiên tai xảy ra, lãnh đạo Cục hàng hải Việt Nam, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp phải chủ động trong việc điều hành bộ máy của mình thực hiện phương án đã chuẩn bị và chọn phương án thích hợp để xử lý các tình

huống phát sinh, bảo đảm đạt hiệu quả cao nhất. Tuân thủ nguyên tắc 4 tại chỗ bao gồm lực lượng tại chỗ, phương tiện tại chỗ, hậu cần tại chỗ và chỉ huy tại chỗ; phối hợp chặt chẽ với lực lượng phòng, chống thiên tai tại địa phương để thực hiện. Trường hợp xảy ra sự cố nghiêm trọng, vượt quá khả năng nhân lực, vật tư, trang thiết bị của đơn vị phải nhanh chóng báo cáo cấp trên chỉ đạo việc huy động và thông báo đến các cơ quan, đơn vị liên quan để được chi viện, hỗ trợ nhằm hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra. Huy động ngay lực lượng xung kích, các trang thiết bị, phương tiện vận tải để triển khai cứu người, tài sản, phương tiện, công trình nơi xảy ra thiên tai. Bảo đảm thông tin thông suốt, chỉ đạo, điều hành trực tiếp của cơ quan, đơn vị đối với đơn vị cấp dưới; tổng hợp báo cáo nhanh diễn biến, sự cố thiên tai và thiệt hại đến cơ quan, đơn vị cấp trên theo quy định. Nguồn kinh phí cho phòng, chống thiên tai trong lĩnh vực hàng hải bao gồm: nguồn được cấp từ ngân sách Nhà nước cấp, nguồn chi sự nghiệp kinh tế hàng hải, nguồn tìm kiếm, cứu nạn, nguồn sự nghiệp kinh tế khác, chi sự nghiệp kinh tế từ nguồn thu phí hàng hải; các khoản cứu trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước khi thiên tai xảy ra; nguồn trích từ giá thành sản xuất trong năm tài chính của doanh nghiệp;

nguồn kinh phí từ hợp đồng mua bảo hiểm công trình hàng hải; nguồn lao động công ích hoặc tự nguyện tham gia theo quy định của pháp luật. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01/05/2019.

7. ỦY BAN DÂN TỘC CHI MỘT TỶ ĐỒNG THỰC HIỆN TRIỂN KHAI PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

Ngày 13/03/2019, Ủy ban Dân tộc ban hành Quyết định số 120/QĐ-UBDT kèm theo Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2019 theo Đề án “Đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017-2021”.

Kinh phí triển khai thực hiện Kế hoạch là 1.000.000.000 (một tỷ đồng), được giao tại Quyết định số 793/QĐ-UBDT ngày 28/12/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc. Mục đích triển khai đồng bộ các nhiệm vụ và giải pháp về phổ biến, giáo dục pháp luật cho đối tượng đặc thù là người dân ở vùng dân tộc thiểu số, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, góp phần đạt được những mục tiêu của Đề án “Đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào vùng dân tộc thiểu số và

miền núi giai đoạn 2017-2021”. Nâng cao nhận thức và ý thức tự giác tìm hiểu, chấp hành pháp luật của người dân; tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, củng cố niềm tin của đồng bào với Đảng, Nhà nước, góp phần phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

Trong Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2019 sẽ tổ chức 04 Hội nghị điểm phổ biến, giáo dục pháp luật tại 04 huyện nghèo của 04 tỉnh có đông đồng bào dân tộc thiểu số trên phạm vi cả nước vào quý II, III/2019 tại các địa phương: huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu; huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An và huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum; huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Tọa đàm điểm chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm phổ biến, giáo dục pháp luật tại một số tỉnh. Duy trì mô hình

điểm phổ biến, giáo dục pháp luật nhằm giảm thiểu vi phạm pháp luật về mua bán người tại xã Nậm Cháy, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai, thực hiện: 10 tháng (mỗi tháng tập huấn, sinh hoạt 01 lần), từ tháng 3 đến tháng 12 năm 2019. Xây dựng, duy trì hoạt động của mô hình phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống ma túy tại xã Bản Lang, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, thực hiện: 8 tháng (mỗi tháng tập huấn, sinh hoạt 01 lần), từ tháng 4 đến tháng 12 năm 2019.

Tổ chức kiểm tra việc triển khai thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật vào quý II, III và IV/2019 tại 02 tỉnh có đông đồng bào dân tộc thiểu số tại khu vực Miền Trung - Tây nguyên, gồm: Nghệ An và Kon Tum. Quyết định có hiệu lực từ ngày 13/03/2019.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 125/2017/NĐ-CP NGÀY 16/11/2017 SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU VỀ BIỂU THUẾ XUẤT KHẨU, BIỂU THUẾ NHẬP KHẨU ƯU ĐÃI, DANH MỤC HÀNG HÓA VÀ MỨC THUẾ TUYỆT ĐỐI, THUẾ HỖN HỢP, THUẾ NHẬP KHẨU NGOÀI HẠN NGẠCH THUẾ QUAN.

Bộ Tài chính đang tổ chức lấy ý kiến vào dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 125/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 122/2016/NĐ-CP ngày 01/09/2016 của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế

tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan.

Nghị định quy định thủ tục khai báo trên tờ khai Hải quan gồm:

+ Mã loại hình: khai Mã loại hình A43 – “Nhập khẩu linh kiện ô tô tham gia Chương trình ưu đãi thuế nhập khẩu” đối với các linh kiện ô tô nhập khẩu có các mã hàng thuộc Nhóm 98.49 dự kiến để sản xuất, lắp ráp cho nhóm xe đăng ký tham gia Chương trình. Việc kê khai mã loại hình A43 chỉ áp dụng đối với các linh kiện ô tô được sử dụng để sản xuất, lắp ráp cho nhóm xe đã đăng ký tham gia Chương trình thuộc các mã hàng quy định tại Nhóm 98.49 và thuộc loại trong nước chưa sản xuất được.

+ Mô tả hàng hóa: khai mã linh kiện (do doanh nghiệp tự mã hóa để theo dõi quản lý), tên linh kiện (mô tả chi tiết tên, quy cách, thông số kỹ thuật, thành phần cấu tạo, model, kí/mã hiệu, đặc tính, công dụng), tên mẫu xe dự kiến sản xuất lắp ráp đã đăng ký tham gia chương trình. Đối với trường hợp linh kiện nhập khẩu dùng chung cho nhiều mẫu xe ô tô trong nhóm xe cam kết mà chưa xác định ngay được dùng để sản xuất, lắp ráp cho mẫu xe nào thì doanh nghiệp khai chỉ tiêu “Mô tả hàng hóa” như sau: mã linh kiện (do doanh nghiệp tự mã hóa để theo dõi quản lý), tên linh kiện (mô tả chi tiết tên,

quy cách, thông số kỹ thuật, thành phần cấu tạo, model, kí/mã hiệu, đặc tính, công dụng), tên nhóm xe dự kiến sản xuất lắp ráp đã đăng ký tham gia Chương trình.

Thủ tục áp dụng mức thuế suất của nhóm 98.49 chậm nhất sau 60 ngày kể từ ngày 30/6 hoặc ngày 31/12 hàng năm doanh nghiệp có công văn gửi cơ quan hải quan đề nghị áp dụng mức thuế suất 0% của nhóm 98.49 cho các linh kiện ô tô đã nhập khẩu để sản xuất, lắp ráp các nhóm xe ô tô nêu tại lộ trình của Chương trình ưu đãi thuế trong giai đoạn theo đề nghị của doanh nghiệp. Giai đoạn đề nghị của doanh nghiệp tối đa không quá 06 tháng tính từ ngày 01/01 đến ngày 30/06 hàng năm hoặc từ ngày 01/07 đến ngày 31/12 hàng năm. Trường hợp quá thời hạn 60 ngày doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị áp dụng mức thuế suất 0%, cơ quan hải quan vẫn căn cứ hồ sơ đề nghị của doanh nghiệp để thực hiện kiểm tra về đối tượng và các điều kiện áp dụng Chương trình ưu đãi thuế và xử phạt vi phạm hành chính đối với doanh nghiệp theo quy định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan.

Ngoài ra, Biểu thuế xuất khẩu theo danh mục mặt hàng chịu thuế bổ sung thêm trường hợp hàng hóa xuất

khẩu không có tên trong Biểu thuế xuất khẩu thì người khai hải quan khai mã hàng của hàng hóa xuất khẩu tương ứng với mã hàng 08 chữ số của mặt hàng đó trong Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi quy định tại mục I Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 125/2017/NĐ-CP và mục III Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này tại mục tiêu chỉ “Mã số hàng hóa” và không phải khai báo mức thuế suất tại mục tiêu chỉ “thuế suất” trên tờ khai hàng hoá xuất khẩu. Đối với các mặt hàng thuộc nhóm hàng vật tư, nguyên liệu, bán thành phẩm (gọi chung là hàng hóa) không quy định ở trên có giá trị tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản

phẩm trở lên có số thứ tự (STT) 211 tại Biểu thuế xuất khẩu khi làm thủ tục hải quan, người khai hải quan kê khai tên hàng và mã hàng của mặt hàng đó theo mã hàng 08 chữ số tương ứng với mã hàng 08 chữ số của mặt hàng đó trong Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi và ghi mức thuế suất thuế xuất khẩu là 5%. Các mặt hàng xuất khẩu thuộc nhóm có STT 211 là các mặt hàng đáp ứng đồng thời cả 02 điều kiện sau: vật tư, nguyên liệu, bán thành phẩm (gọi chung là hàng hoá) không thuộc các nhóm có STT từ 01 đến STT 210 tại Biểu thuế xuất khẩu; có tổng giá trị tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên...

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Hỏi: Những chức danh nào được sử dụng thường xuyên một xe ô tô với giá mua tối đa 1.100 triệu đồng/xe trong thời gian công tác ?

Trả lời: Theo Điều 6 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP Chính phủ ban hành ngày 11/01/2019 về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô có quy định các chức danh được sử dụng thường xuyên một xe ô tô với giá mua tối đa 1.100 triệu đồng/xe trong thời gian công tác là:

- Trưởng ban của Đảng ở Trung ương, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Chủ nhiệm các Ủy ban của Quốc hội, Tổng Kiểm toán nhà nước, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ... và các chức danh có hệ số lương khởi điểm từ 10.4 trở lên.

- Bí thư Tỉnh ủy, Thành ủy các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trừ thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

- Các chức danh sau đây của thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh: Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội chuyên trách.

2. Hỏi: *Xin hỏi, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ, cơ quan Trung ương ?*

Trả lời: Theo Điều 9 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP Chính phủ ban hành ngày 11/01/2019 về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô có quy định định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ, cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn cấp tỉnh có chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô: Tối đa 01 xe/01 đơn vị. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương xem xét, quyết định định mức sử dụng tối đa 02 xe/01 đơn vị trong các trường hợp: đơn vị có trụ sở đóng trên địa bàn miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; đơn vị có phạm vi quản lý trên địa bàn từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên. Đơn vị quy định tại khoản này trực tiếp quản lý, sử dụng xe ô tô và bố trí cho các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô khi đi công tác.

3. Hỏi: *Định mức sử dụng xe ô tô phục vụ lễ tân Nhà nước là gì?*

Trả lời: Theo Điều 19 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP Chính phủ ban hành ngày 11/01/2019 về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô có quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ lễ tân Nhà nước như sau: xe phục vụ Nguyên thủ, Phó nguyên thủ Quốc gia, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Tổng Thư ký Liên hợp quốc, Đại sứ nước ngoài trình Quốc thư tối đa 04 xe; xe phục vụ Phó Chủ tịch Quốc hội, Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Ngoại giao hoặc tương đương, phu nhân hoặc phu quân của Nguyên thủ, Phó Nguyên thủ Quốc gia, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ tối đa 18 xe; xe phục vụ các Bộ trưởng khác, đoàn viên Đoàn cấp cao, Đoàn viên các Đoàn cấp Phó nguyên thủ, thành viên Hoàng gia (Hoàng tử, Thái tử, Công chúa,...), Chủ tịch Đảng cầm quyền,... các Đoàn khách mời mang tính chất Nhà nước của các bộ, cơ quan trung ương và phục vụ cán bộ Việt Nam tham gia đón đoàn tối đa 37 xe; xe chở hành lý cho các Đoàn khách quốc tế đến thăm chính thức nước ta và các Đoàn cấp cao của Đảng và Nhà nước ta đi thăm các nước tối đa 03 xe.

4. Hỏi: *Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp Nhà nước thực hiện thuê dịch vụ xe ô tô phục vụ công tác*

chung, xe ô tô chuyên dùng trong những trường hợp nào?

Trả lời: Theo Điều 23 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP Chính phủ ban hành ngày 11/01/2019 về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô có quy định các trường hợp mà cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp Nhà nước thực hiện thuê dịch vụ xe ô tô phục vụ công tác chung, xe ô tô chuyên dùng như sau:

xe ô tô hiện có không đủ bố trí phục vụ; chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô nhưng không thuộc trường hợp được trang bị xe ô tô phục vụ công tác chung theo quy định; thuộc đối tượng được trang bị xe ô tô phục vụ công tác chung và xe ô tô chuyên dùng theo quy định nhưng không thực hiện trang bị xe ô tô và không áp dụng hình thức khoán kinh phí sử dụng xe ô tô.